NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2012/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định về phí dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về phí dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phí dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa đối với chủ thẻ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng bao gồm: Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ, chủ thẻ và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cung ứng và sử dụng dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa trong lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thẻ ghi nợ nội địa* là thẻ do tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam phát hành để thực hiện giao dịch thẻ trong nước, cho phép chủ thẻ thực hiện giao dịch thẻ trong phạm vi số tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ thẻ mở tại tổ chức phát hành thẻ (sau đây gọi tắt là thẻ).

2. *Phí dịch vụ thẻ* là khoản tiền mà chủ thẻ phải trả khi được cung ứng dịch vụ thẻ.

3. *Giao dịch thẻ* là việc sử dụng thẻ để nộp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, vấn tin tài khoản hoặc sử dụng các dịch vụ khác do tổ chức cung ứng dịch vụ thẻ cung cấp.

4. *Giao dịch ATM* là các giao dịch thẻ thực hiện tại máy giao dịch tự động.

5. *Giao dịch ATM nội mạng* là giao dịch thẻ thực hiện tại ATM của tổ chức phát hành thẻ cho chủ thẻ.

6. *Giao dịch ATM ngoại mạng* là giao dịch thẻ thực hiện tại ATM của tổ chức không phải là tổ chức phát hành thẻ cho chủ thẻ.

7. *Giao dịch POS* là giao dịch thẻ thực hiện qua thiết bị đọc thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ (gọi tắt là POS) để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, vấn tin số dư tài khoản, hoàn trả tiền theo yêu cầu chủ thẻ, rút tiền mặt và các giao dịch thẻ khác tại POS.

Điều 4. Nguyên tắc thu phí dịch vụ thẻ

1. Tổ chức phát hành thẻ được thu phí dịch vụ thẻ đối với chủ thẻ theo loại phí, mức phí do Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành thẻ quy định tại biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình nhưng phải bảo đảm nằm trong khuôn khổ và lộ trình quy định đối với các loại phí nêu tại Biểu khung mức phí dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa (Phụ lục) ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức phát hành thẻ không được thu thêm phí ngoài biểu phí dịch vụ thẻ đã ban hành.

3. Tổ chức phát hành thẻ không được thu phí từ chủ thẻ đối với những giao dịch thẻ không thành công hoặc giao dịch thẻ bị sai sót không phải do lỗi của chủ thẻ.

4. Tổ chức thanh toán thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ không được thu phí dịch vụ thẻ đối với chủ thẻ.

5. Đơn vị chấp nhận thẻ không được thu phí giao dịch POS đối với chủ thẻ.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức phát hành thẻ

1. Tối thiểu 15 ngày trước khi áp dụng biểu phí dịch vụ thẻ (ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung), tổ chức phát hành thẻ phải gửi biểu phí dịch vụ thẻ của đơn vị mình cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo và giám sát.

2. Niêm yết công khai biểu phí dịch vụ thẻ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Phổ biến, hướng dẫn cho khách hàng biết về dịch vụ thẻ, quy trình thao tác sử dụng thẻ, biểu phí dịch vụ thẻ hiện hành và các quy định khác có liên quan đến dịch vụ thẻ của đơn vị mình, đảm bảo khách hàng có đủ thông tin cần thiết để xem xét, lựa chọn và quyết định việc sử dụng dịch vụ thẻ.

4. Giải đáp, xử lý kịp thời các thắc mắc, khiếu nại hoặc sự cố kỹ thuật cho chủ thẻ. Hoàn trả số tiền giao dịch đã thu cho chủ thẻ nếu giao dịch thẻ không thành công và bồi thường thiệt hại cho chủ thẻ theo quy định của pháp luật nếu thiệt hại xảy ra do lỗi của tổ chức phát hành thẻ.

5. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc trang bị, quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn hoạt động của ATM và các thiết bị đọc thẻ.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Thanh toán tiếp nhận các biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện và tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với các tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Thông tư này.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền việc thực hiện Thông tư này trên địa bàn; phản ánh kịp thời các vướng mắc phát sinh và báo cáo các vấn đề vượt thẩm quyền về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để giải quyết.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày kể từ ngày 01/03/2013.

2. Tổ chức phát hành thẻ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Thông tư này tại đơn vị mình. Trong quá trình thực hiện, tổ chức phát hành thẻ cần có biện pháp phân loại đối tượng khách hàng để có hình thức hỗ trợ phù hợp đối với sinh viên nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức phát hành thẻ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Toàn Thắng

Phụ lục

BIỂU KHUNG MỨC PHÍ DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA

(Kèm theo Thông tư số 35/2012/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

STT	Loại phí		Mức phí *(Chưa bao gồm thuế VAT)*
1	Phí phát hành thẻ		Từ 0 đồng đến 100.000 đồng/thẻ
2	Phí thường niên		Từ 0 đồng đến 60.000 đồng/thẻ/năm
3	Phí giao dịch ATM		
a	Vấn tin tài khoản (không in chứng từ)	*Nội mạng*	0 đồng/giao dịch
		Ngoại mạng	Từ 0 đồng đến 500 đồng/giao dịch
b	In sao kê tài khoản hoặc in chứng từ vấn tin tài khoản	*Nội mạng*	Từ 100 đồng đến 500 đồng/giao dịch
		Ngoại mạng	Từ 300 đồng đến 800 đồng/giao dịch
c	Rút tiền mặt	*Nội mạng*	**Từ 01/03/2013 đến 31/12/2013:** Từ 0 đồng đến 1.000 đồng/giao dịch **Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014:** Từ 0 đồng đến 2.000 đồng/giao dịch **Từ 01/01/2015 trở đi:** Từ 0 đồng đến 3.000 đồng/giao dịch
		Ngoại mạng	Từ 0 đồng đến 3.000 đồng/giao dịch
d	Chuyển khoản		Từ 0 đồng đến 15.000 đồng/giao dịch
đ	Giao dịch khác tại ATM		Theo biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ
4	Phí dịch vụ thẻ khác		Theo biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ